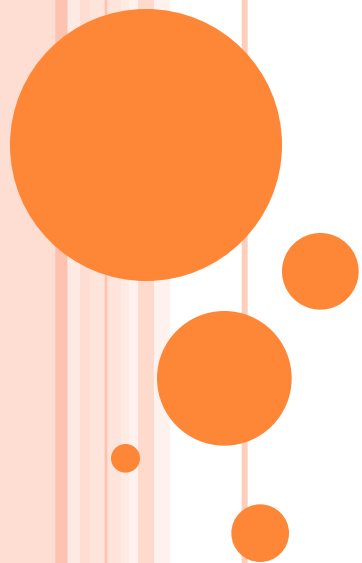


CHƯƠNG 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



Th.s Phạm Mỹ Duyên – UEL

NỘI DUNG

- Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền KTTT
- Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền KTTT



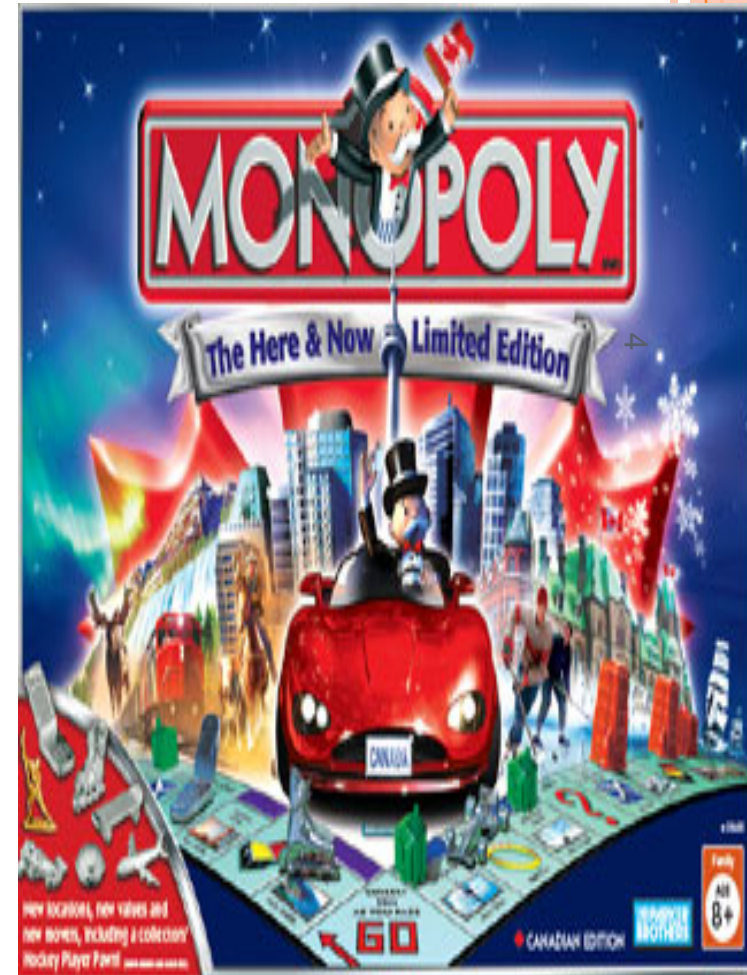
I. QUAN HỆ GIỮA CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KTTT

- “Tự do cạnh tranh sinh ra tích tụ và tập trung sản xuất, tích tụ và tập trung sản xuất phát triển đến một mức độ nào đó sẽ dẫn đến độc quyền”
- Độc quyền là sự liên minh giữa các doanh nghiệp lớn, nắm trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hoá, có khả năng định ra giá cả độc quyền, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao



“Độc quyền ra đời không
thủ tiêu cạnh tranh tự do
mà làm cho cạnh tranh
ngày càng sâu sắc hơn”

V.I. Lenin



CÁC LOẠI CẠNH TRANH TRONG NỀN KTTH

- Cạnh tranh giữa các TCĐQ
- Cạnh tranh trong nội bộ các TCĐQ
- Cạnh tranh giữa TCĐQ- DN ngoài độc quyền
- Cạnh tranh giữa những người sản xuất HH nhỏ, giữa tư bản vừa và nhỏ

5



II. ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KTTH

1. Lý luận của Lênin về độc quyền trong nền KTTH
 - a. Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền
 - b. Những đặc điểm của độc quyền trong CNTB



1. LÝ LUẬN CỦA LÊNIN VỀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KTTT

a. Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền

CNTB chuyển sang giai đoạn độc quyền vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.



NGUYÊN NHÂN

- Sự phát triển khoa học kỹ thuật
- Quá trình tự do cạnh tranh
- Khủng hoảng kinh tế
- Sự phát triển hệ thống tín dụng TBCN



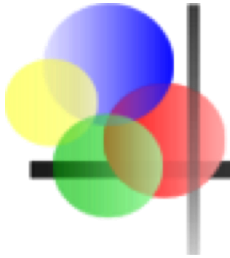
Lợi nhuận độc quyền: lợi nhuận thu được cao hơn lợi nhuận bình quân, do sự thống trị của các tổ chức độc quyền đem lại

Lao động
không
công
của
CN
trong
XNĐQ

LĐ không
công
của CN
trong
XN
không
ĐQ

Một phần
m của
các tư
bản
nhỏ và
vừa

LĐ thặng
 dư, một
phần LĐ
tất yếu
của CN ở
các nước
nhận đầu
tư



Giá cả độc quyền

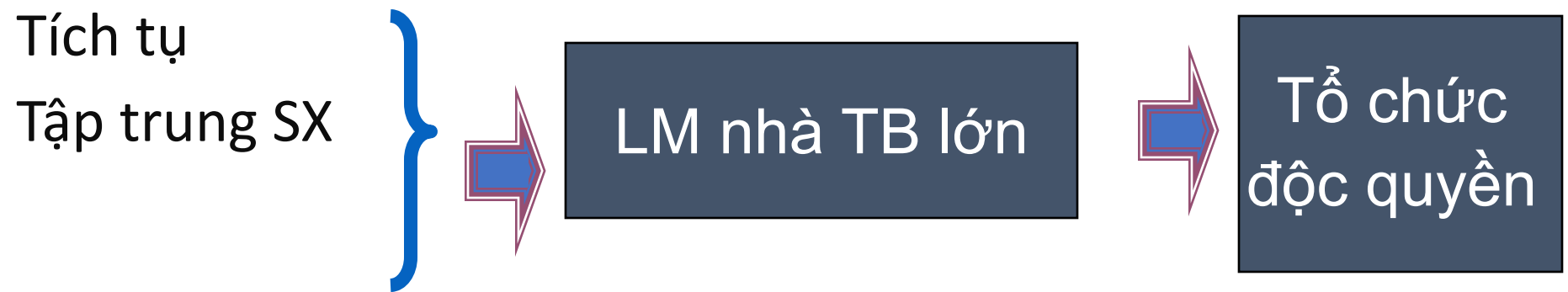
- **Giá cả độc quyền= Chi phí sản xuất+ LNĐQ**
- Giá cả độc quyền thấp khi mua
- Giá cả độc quyền cao khi bán.

Biểu hiện của qui luật giá trị và giá trị thặng dư trong giai đoạn CNTB ĐQ

	Nền SXHH giản đơn	CNTB tự do cạnh tranh	CNTBĐQ và ĐQNN
Qui luật giá trị	Sự vận động của giá cả	Qui luật giá cả sản xuất	Qui luật giá cả độc quyền
Qui luật giá trị thặng dư		Qui luật lợi nhuận bình quân	Qui luật lợi nhuận độc quyền

B. Đặc điểm của ĐỘC QUYỀN TRONG CNTB

(1) Tập trung sản xuất và các tổ chức ĐQ:



Tích tụ, tập trung sản xuất và các tổ chức ĐQ

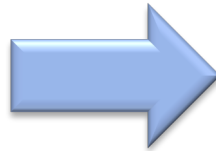


Tổ chức độc quyền: tổ chức liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung vào trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa nào đó nhằm mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao.

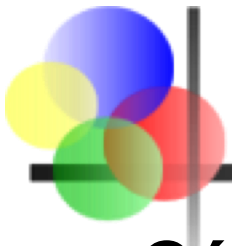
Tích tụ, tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền

Quá trình độc quyền hóa

Liên kết ngang
(cùng ngành)
Cartel, Syndicate,
Trust



Liên kết dọc
(đa ngành)
Consortitum,
Concern,
Conglomerate



CÁC HÌNH THỨC CỦA TCĐQ

- **Cácten (Cartel):** TCĐQ thỏa thuận P, qui mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kì hạn thanh toán .
- **Xanhđica (Syndicate) :** mất độc lập về lưu thông, nhưng giữ độc lập về sản xuất. Mua bán do ban quản trị đảm nhiệm chung.
- **Tơrót (Trust):** thống nhất SX, tiêu thụ, tài vụ do ban quản trị quản lý. Người tham gia thu lợi nhuận theo cổ phần.
- **Côngxoocxiom (consortium):** hình thức liên kết độc nhiều ngành khác nhau có liên quan nhau về kinh tế, kĩ thuật. Tham gia có cácten, xanhđica, tơrót

(2) Tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối sâu sắc nền kinh tế



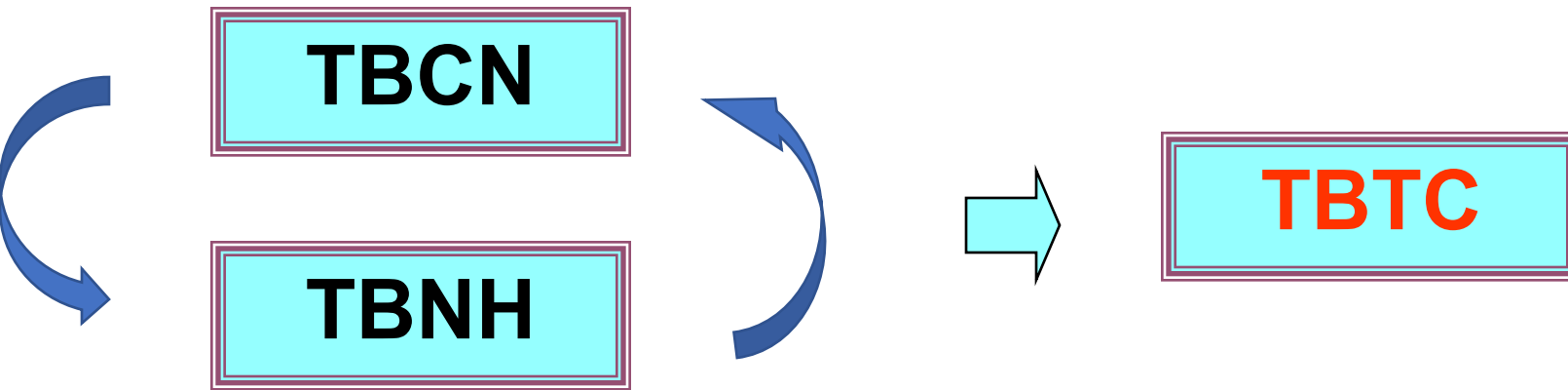
■ Tư bản tài chính



Sự hình thành:

- Tích tụ và tập trung SX -> Tổ chức ĐQ CN
- Tích tụ và tập trung trong lĩnh vực ngân hàng -> Tổ chức ĐQ trong ngành NH
- Tư bản tài chính: sự dung hợp giữa TB ĐQ trong NH & TB ĐQ trong CN

(2) Tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối sâu sắc nền kinh tế



❑ Sự hình thành:

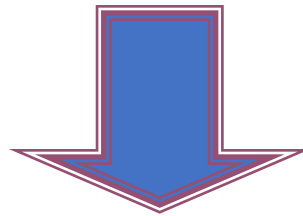
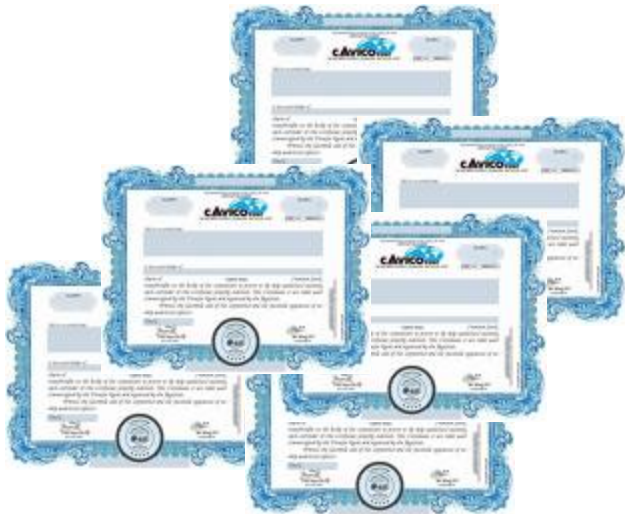
- Tích tụ và tập trung SX -> Tổ chức ĐQ CN
- Tích tụ và tập trung trong lĩnh vực ngân hàng -> Tổ chức ĐQ trong ngành NH
- Tư bản tài chính: sự dung hợp giữa TB ĐQ trong NH & TB ĐQ trong CN

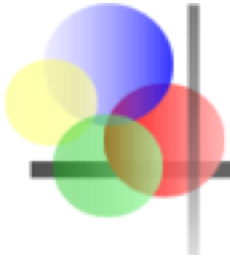
b. Tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối sâu sắc nền kinh tế

• Đầu sỏ tài chính:

- Bộ phận tư bản tài chính có tài sản khổng lồ
- Đầu tư lĩnh vực lớn, chi phối ngành đó
- Thiết lập thống trị qua “chế độ tham dự”

Nắm số cổ phiếu khổng lồ





(3) Xuất khẩu tư bản:

- **ĐN:** XK tư bản là **XK giá trị** ra nước ngoài
- **Bối cảnh:** XK tư bản diễn ra vào cuối XIX đầu XX
- **Mục đích :** Giá trị thặng dư & các nguồn lợi nhuận khác

(3) CÁC HÌNH THỨC XUẤT KHẨU TƯ BẢN

**Theo tính chất
dòng vốn đầu tư**

**Xuất khẩu TB
hoạt động
(trực tiếp)**

**Xuất khẩu TB
cho vay (gián
tiếp)**

**Theo chủ sở hữu
TB**

**Xuất khẩu TB
nhà nước**

**Xuất khẩu TB
tư nhân**

(4) Phân chia thế giới về kinh tế giữa các TCĐQ:

■ Nguyên nhân:

- Tích tụ & tập trung TB phát triển
- XK TB tăng
- Cạnh tranh khốc liệt
-> thỏa hiệp, kí kết các hiệp định

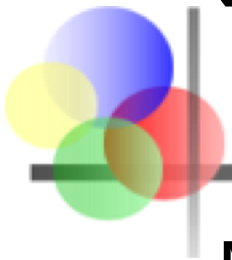
➔ Tổ chức ĐQ
Quốc tế





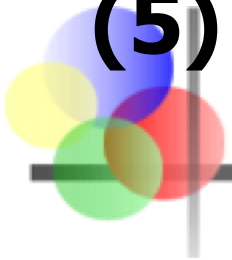
(4) Phân chia thể giới về kinh tế giữa các TCĐQ:

- 60.000 công ty mẹ, 500.000 chi nhánh
- Kiểm soát:
 - 40% SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP
 - 60% NGOẠI THƯƠNG
 - 80% KỸ THUẬT MỚI
 - 90% lượng vốn FDI



(4) Phân chia thế giới về kinh tế giữa các TCĐQ:

- Mỹ với kế hoạch Mashall sau thế chiến 2 hình thành nhiều tổ chức ĐQ
- 1950, 1960 các TCĐQ của NB
- 1970, 1980 các TCĐQ của NICs



(5) Phân chia thế giới về địa lý giữa các cường quốc tư bản

- **Nguyên nhân**: Thị trường thuộc địa
 - Là nơi cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ rộng lớn
 - Khu vực tương đối an toàn trong cạnh tranh
 - Bảo đảm thực hiện đồng thời những mục tiêu quân sự, chính trị

(5) Phân chia thế giới về địa lý giữa các cường quốc tư bản

Lợi ích XK TB + khai thác thuộc địa



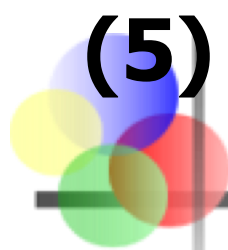
ĐQ nguyên liệu & thị trường



Tham vọng thống trị TG

đòi chia lại thị trường thế giới





(5) Phân chia thế giới về địa lý giữa các cường quốc tư bản

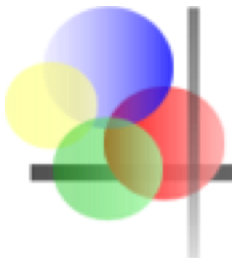
- **Bối cảnh:** Sau năm 1880 cuộc xâm chiếm thuộc địa bắt đầu. Đến cuối TK 19, thị trường thuộc địa được phân định :
 - Số dân thuộc địa của Anh nhiều hơn 12 lần số dân thuộc địa của Nga, bằng 7 lần của Pháp.
 - Số dân thuộc địa của Pháp nhiều hơn số dân thuộc địa của Đức, Mỹ, Nhật cộng lại.
- ➔ Phân chia lại thị trường thế giới bằng các cuộc CTTG lần 1, 2.

(5) Phân chia thế giới về địa lý giữa các cường quốc tư bản

■ Từ những năm 50 của TK XX trở lại đây các cường quốc chuyển sang thi hành chính sách thực dân kiểu mới :

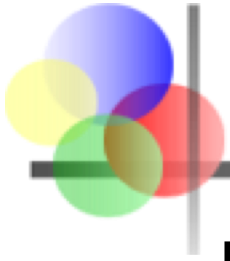
- Viện trợ kinh tế, kĩ thuật, quân sự.





2. Độc quyền nhà nước trong CNTB

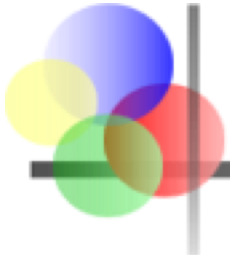
- a. Nguyên nhân ra đời
- b. Bản chất
- c. Những biểu hiện



a. Nguyên nhân

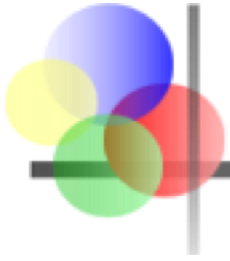
- Bối cảnh:

CNTB chuyển sang giai đoạn ĐQNN sau đại khủng hoảng 1929-1933 và phát triển mạnh từ sau CTTG 2.



Nguyên nhân

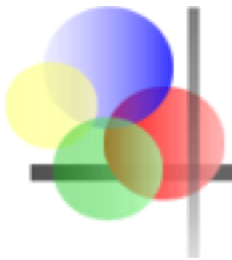
- (1) Đại khủng hoảng 1929- 1933 buộc phải tư duy lại về sự can thiệp của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế.
- (2) Sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống XHCN sau thế chiến 2.
- (3) Sự phát triển phân công LĐXH một số ngành tư nhân không muốn đầu tư đòi hỏi NN đầu tư



Nguyên nhân

(4) Quá trình mở rộng hoạt động của các MNCs và sự thống trị của ĐQ làm gia tăng đối kháng giai cấp giữa GCTS- GCCN và sự xung đột giữa các quốc gia dân tộc đòi hỏi phải có sự can thiệp của Nhà nước

(5) Sự thống trị của độc quyền làm gia tăng mâu thuẫn XH, đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước

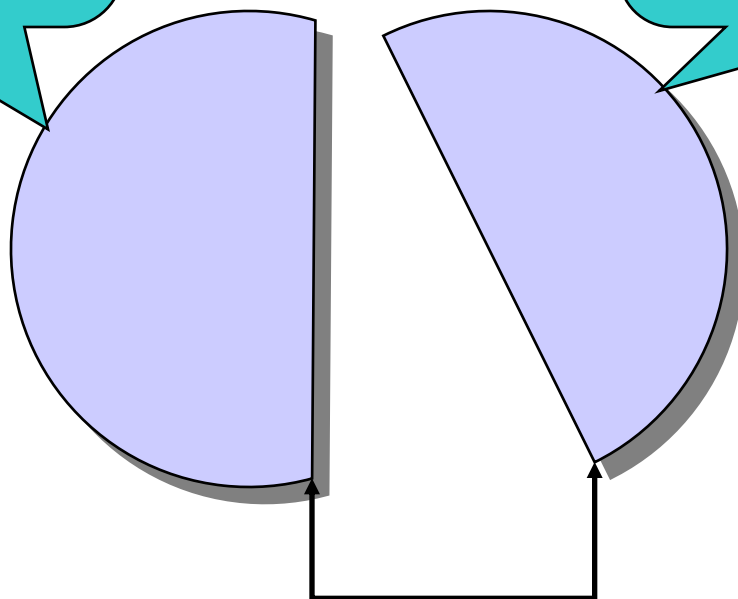


b. Bản chất của CNTB ĐQNN

- CNTBĐQNN là sự kết hợp của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một thiết chế và thể chế duy nhất.

Sức mạnh các
tổ chức độc
quyền

Sức mạnh nhà
nước tư sản



Mục đích

Bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản

Tăng cường sự bóc lột lao động làm thuê

Cứu nguy cho sự tồn tại của CNTB



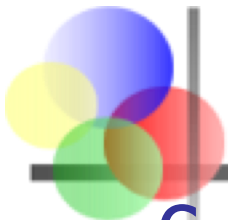
Bản chất của CNTBĐQNN là sự gắn bó chặt chẽ của 3 quá trình:





KẾT LUẬN

- Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là **một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội**, không phải chỉ là chính sách kinh tế của nhà nước tư sản trong giai đoạn tư bản độc quyền thống trị.
 - + Nhà nước tư sản tồn tại trên danh nghĩa, không có thực quyền.
 - + Quan hệ kinh tế xã hội này được xây dựng trên cơ sở nhằm bảo vệ và phát triển quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa.

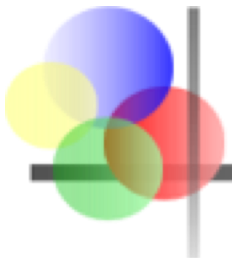


c. Những biểu hiện của ĐQNN trong CNTB

(1) Sự kết hợp nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước tư sản dưới nhiều hình thức:

- Sự xâm nhập của các nhà tư bản độc quyền vào bộ máy nhà nước.
- Sự tham gia của các quan chức cao cấp nhà nước vào các tổ chức độc quyền.

=> nhằm phục vụ lợi ích cho các tổ chức độc quyền



(2) Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước:

■ **Cách hình thành sở hữu nhà nước:**

- ❖ Dùng ngân sách đầu tư xây dựng doanh nghiệp nhà nước
- ❖ Quốc hữu hoá doanh nghiệp tư nhân
- ❖ Mua cổ phần doanh nghiệp tư nhân
- ❖ Mở rộng doanh nghiệp nhà nước bằng vốn tích lũy của tư nhân.

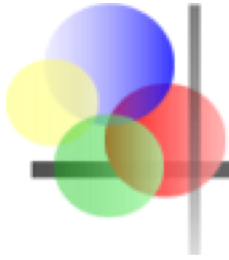
(3) Sự điều tiết của nhà nước tư sản

■ Cơ chế điều tiết trong CNTB ĐQNN

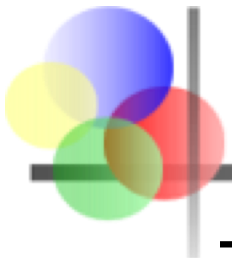
- .



Các công cụ can thiệp của NNước

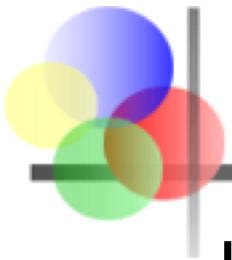


- Luật.
- Hệ thống chính sách
- Hệ thống Kế hoạch hóa phát triển KT-XH: Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch 5 năm và hàng năm, Chương trình và dự án phát triển KT-XH.
- Kinh tế nhà nước



3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

- Tích cực
 - Thúc đẩy LLSX phát triển nhanh chóng
 - Chuyển từ sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn hiện đại
 - Thực hiện xã hội hoá sản xuất



3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

- Hạn chế
 - Mục đích nền sản xuất phục vụ lợi ích thiểu số giai cấp tư sản
 - Châm nhòì cho các cuộc chiến tranh thế giới
 - Phân hoá giàu nghèo sâu sắc trong lòng các nước tư bản



3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

- Xu hướng vận động
 - LLSX phát triển ở trình độ XHH cao độ
 - QHSX dựa trên SH tư nhân TBCN về TLSX
 - Mâu thuẫn cơ bản không giải quyết được
 - Sự thay thế bằng hình thái KTX-XH mới cao hơn: Hình thái KTXH cộng sản chủ nghĩa